

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.142.535.691.592	706.693.128.841
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	167.211.445.662	201.794.435.381
1. Tiền	111		13.351.445.662	9.494.435.381
2. Các khoản tương đương tiền	112		153.860.000.000	192.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	34.500.000.000	50.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		34.500.000.000	50.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		362.246.863.612	30.190.551.673
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	187.171.064.167	11.893.865.497
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	25.519.338.904	15.502.734.509
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	149.556.460.541	2.793.951.667
IV. Hàng tồn kho	140		573.145.554.711	390.191.897.810
1. Hàng tồn kho	141	V.5	573.145.554.711	390.191.897.810
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.431.827.607	34.516.243.977
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.427.810.543	185.549.977
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.6	-	32.704.086.798
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.004.017.064	1.626.607.202
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		397.081.515.571	384.922.687.321
I. Tài sản cố định	220		178.823.791.308	171.315.497.783
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	30.368.655.924	6.094.253.797
- Nguyên giá	222		33.772.170.049	7.858.499.069
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.403.514.125)	(1.764.245.272)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	73.899.545.637	1.024.000.000
- Nguyên giá	228		73.904.625.639	1.024.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.080.002)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	74.555.589.747	164.197.243.986
II. Bất động sản đầu tư	240	V.12	54.423.602.429	-
- Nguyên giá	241		54.530.921.417	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(107.318.988)	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	162.760.041.656	212.805.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	157.325.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		136.510.041.656	40.480.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		26.250.000.000	15.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.074.080.178	802.189.538
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		221.890.640	-
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.8	852.189.538	802.189.538
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.539.617.207.163	1.091.615.816.162

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

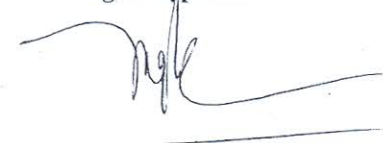
Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		404.589.334.685	105.442.903.614
I. Nợ ngắn hạn	310		142.264.272.558	105.093.903.614
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	69.500.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	V.15	24.777.885.782	7.032.147.705
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	4.748.249.667	71.576.416.579
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	6.374.183.481	2.906.680.918
5. Phải trả người lao động	315	V.15	2.249.383.609	1.826.316.978
6. Chi phí trích trước	316		685.111.111	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	33.021.899.156	20.864.749.234
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	907.559.752	887.592.200
II. Nợ dài hạn	330		262.325.062.127	349.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.299.180.987	349.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	242.514.177.631	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.19	18.511.703.509	-
B. NGUỒN VỐN	400		1.117.862.640.774	986.172.912.548
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	1.117.862.640.774	986.172.912.548
1. Vốn điều lệ	411		1.000.000.000.000	937.620.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.077.326.587	1.439.147.403
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.077.326.587	1.439.147.403
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		113.707.987.600	45.674.617.742
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.21	17.165.231.704	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.539.617.207.163	1.091.615.816.162

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

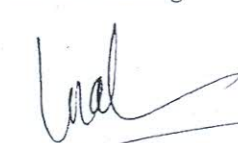
	30/09/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		
5. Ngoại tệ các loại (USD)		
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		

Người lập biểu



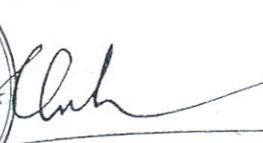
Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Kim Ngân

Tổng Giám đốc

Bùi Minh Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3/2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2010	Quý 3/2009(*)	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước (*)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.22	246.269.553.430	135.454.545	371.596.264.136	135.454.545
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.23	1.620.046.982	-	1.620.046.982	-
3. Doanh thu thuần	10	VI.24	244.649.506.448	135.454.545	369.976.217.154	135.454.545
4. Giá vốn	11	VI.25	180.293.949.692	96.996.957	273.469.278.001	96.996.957
5. Lợi nhuận gộp	20		64.355.556.756	38.457.588	96.506.939.153	38.457.588
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	7.421.675.116	6.832.335.519	22.076.801.910	23.475.707.272
7. Chi phí tài chính (lãi vay)	22	VI.27	1.167.777.777	-	1.167.777.777	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.28	807.422.429	176.789.986	1.218.538.577	200.449.986
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.29	5.401.160.722	4.901.141.455	18.631.437.246	14.496.381.384
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.400.870.944	1.792.861.666	97.565.987.463	8.817.333.490
11. Thu nhập khác	31		21.002.313	-	21.002.313	-
12. Chi phí khác	32		-	61.622.471	111.619.932	61.622.471
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác	40		21.002.313	(61.622.471)	(90.617.619)	(61.622.471)
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết	45		110.633.163	-	(489.958.344)	-
15. Lợi nhuận trước thuế	50		64.532.506.420	1.731.239.195	96.985.411.500	8.755.711.019
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.896.699.215	-	7.247.210.508	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		11.268.781.262	-	18.511.703.509	-
18. Lợi nhuận sau thuế	60		48.367.025.943	1.731.239.195	71.226.497.483	8.755.711.019
- Phân bổ cho cổ đông thiểu số	61		244.801	-	2.231.704	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀU TỬ HẠ TĂNG VÀ ĐỒ THỊ DẦU KHÍ
16 Trương Định, phường 6, quận 3, TPHCM

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2010

- Phần bổ cho công ty mẹ	62	48 366.781.142	1.731.239.195	71.224.265.779	8.755.711.019
19. Lãi trên cổ phiếu	70	VI.30	-	727	93

Người lập biểu



Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Kim Ngân

Ngày 02 tháng 11 năm 2010

Phòng Giám đốc



Bùi Minh Chính

Ghi chú: (*) số liệu của Công ty mẹ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

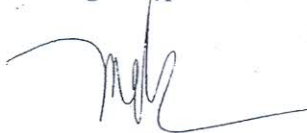
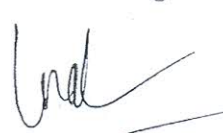
Quý 3/2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 3/2010 (Luỹ kê)	Quý 3/2009 (*) (Luỹ kê)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	71.716.455.826	8.755.711.019
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.751.667.843	921.532.453
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(21.700.366.024)	(23.475.707.272)
Chi phí lãi vay	06	1.167.777.777	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08	52.935.535.422	(13.798.463.800)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(298.235.838.055)	17.415.222.634
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(182.953.656.901)	(107.397.092.590)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(31.656.883.830)	76.506.869.734
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.464.151.206)	91.598.350
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.476.187.847)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.859.650.479)	(7.417.133.274)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	195.056.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.628.770.000)	(2.606.038.222)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(476.144.546.896)	(37.205.037.168)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(34.296.138.092)	(83.142.749.940)
Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	-	-
Tiền chi cho vay các công ty khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay từ các công ty khác	24	15.500.000.000	130.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	(108.770.000.000)	(22.530.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.245.517.638	23.475.707.272
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(108.320.620.454)	47.802.957.332
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	237.868.000.000	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	381.214.177.631	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(69.200.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	549.882.177.631	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(34.582.989.719)	10.597.920.164
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	201.794.435.381	190.574.573.936
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ	70	167.211.445.662	201.172.494.100

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thuý Nga

Vũ Thị Kim Ngân

Ngày 02 tháng 11 năm 2010

Tổng Giám đốc



Bùi Minh Chính

Ghi chú: (*) số liệu của Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2010
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí là một công ty cổ phần (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008269 đăng ký lần đầu vào ngày 29 tháng 10 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp. Đăng ký thay đổi lần 5 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 0305284081 ngày 08 tháng 05 năm 2010.

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí bắt đầu hoạt động vào ngày 01 tháng 11 năm 2007.

Vốn điều lệ Công ty là 1.000.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở đăng ký tại số 16 – đường Trương Định – phường 6 – quận 3 – TPHCM.

Công ty bắt đầu hợp nhất từ 01/01/2010; có 02 công ty con sẽ được hợp nhất trong Báo cáo tài chính này là:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú (góp vốn 89.9% vốn điều lệ) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309612230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 27 tháng 11 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26/05/2010 với tổng số vốn điều lệ 175 tỷ đồng. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú tại số 16 – đường Trương Định – phường 6 – quận 3 – TPHCM – Việt Nam.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Thăng Long (góp vốn 79.9% vốn điều lệ) với tổng vốn điều lệ là 500 tỷ đồng theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310275607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 8 năm 2010. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long tại số 16 – đường Trương Định – phường 6 – quận 3 – TPHCM – Việt Nam.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Tại Công ty mẹ:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật công nghiệp.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị, văn phòng, cảng biển, cảng sông.
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng.
- Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý dự án đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán, pháp luật).
- Kinh doanh bất động sản.
- Mua bán vật tư, thiết bị ngành xây dựng.
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở)
- Sản giao dịch bất động sản.

Tại Công ty con:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình đường bộ...
- Lắp đặt hệ thống điện, hoàn thiện công trình xây dựng.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính kế toán, pháp luật).
- Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông (cầu, đường bộ)/.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2010

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty cam kết tuân thủ đầy đủ yêu cầu các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến 31/12 hàng năm.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm chi phí xây dựng dở dang liên quan đến các dự án và các chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ tư vấn quản lý dự án. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hoá đơn, chứng từ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập, chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<u>LOẠI TÀI SẢN</u>	<u>SỐ NĂM</u>
Trụ sở làm việc	25
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 08
Máy móc thiết bị	02 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 05
Tài sản cố định khác	03 – 10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2010

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

6. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ 421 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Vũng Tàu và quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại địa chỉ 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí xây dựng, phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan trực tiếp khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc, được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ sách lớn hơn giá thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nợ ngắn hạn: là các khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hay trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh.

Nợ dài hạn: là các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm hay trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh.

10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí trả trước khác được phân bổ theo thời hạn ghi trên hoá đơn, hợp đồng và phân bổ không quá 02 năm.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

12. Nguồn vốn kinh doanh - Quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ đã được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế 25% trên thu nhập chịu thuế.

Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, Công ty đã thu tiền của khách hàng theo tiến độ mà chưa xác định được chi phí tương ứng thì Công ty tạm kê khai nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 2% trên doanh thu thu được tiền. Khi bàn giao bất động sản công ty sẽ quyết toán lại số thuế TNDN phải nộp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm/kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính/ cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2010

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hay toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm, tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó thuế thu nhập sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và nguyên tắc xác định giá vốn hàng bán

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo tỉ lệ dịch vụ đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu chuyển nhượng đất có hạ tầng được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đất có hạ tầng được hai bên ký kết và đã có biên bản giao mốc giới.

Đối với bán bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang cho người mua.

Đối với các bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ/năm tài chính. Giá vốn của các bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi phí thực tế sẽ được ghi giảm vào các tài khoản chi phí trả trước này

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Giá vốn

Đối với các dự án xây dựng, kinh doanh nhà ở và khu đô thị: chi phí giá vốn được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai, xây dựng, thiết bị và phí khác ước tính để hoàn tất dự án, công trình. Chi phí giá vốn của hợp đồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí của phần công việc đã hoàn thành trong kỳ báo cáo.

Công ty thống nhất việc ghi nhận Doanh thu và chi phí đối với hoạt động xây dựng, kinh doanh nhà ở và khu đô thị được ghi nhận theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) hoàn thành. Theo phương pháp này doanh thu được xác định phù hợp với chi phí đã phát sinh của khối lượng công việc đã hoàn thành thể hiện trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và áp dụng nhất quán từ niên độ kế toán này sang niên độ kế toán khác.

15. Bên liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2010	01/01/2010
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	1.963.227.415	242.493.686
Tiền gửi ngân hàng	11.388.218.247	9.251.941.695
Các khoản tương đương tiền	153.860.000.000	192.300.000.000
	<u>167.211.445.662</u>	<u>201.794.435.381</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2010
 Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/09/2010 VNĐ	01/01/2010 VNĐ
Ủy thác quản lý vốn	-	50.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	34.500.000.000	-
	34.500.000.000	50.000.000.000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/09/2010 VNĐ	01/01/2010 VNĐ
Phải thu khách hàng về hoạt động kinh doanh BĐS	186.772.749.589	11.893.865.497
Phải thu thuê hoạt động	27.614.578	-
Phải thu khác	370.700.000	-
Trả trước cho người bán về hoạt động kinh doanh BĐS	10.981.125.000	10.981.125.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	14.538.213.904	4.521.609.509
	212.690.403.071	27.396.600.006

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2010 VNĐ	01/01/2010 VNĐ
Phải thu khác(*)	149.556.460.541	2.793.951.667
	149.556.460.541	2.793.951.667

(*) Trong đó:

- Kinh phí hoạt động Ban điều hành KĐT M Vũng Tàu :	538.628.284đ
- Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh :	145.000.000.000đ
- Tiền lãi Ngân hàng trích trước:	2.454.848.386đ
- Tiền học phí của CBCNV:	290.830.360đ
- Công ty Cơ khí Tây Ninh:	1.000.000.000đ
- Khác:	272.153.511đ

5. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình tư vấn quản lý dự án và các dự án kinh doanh bất động sản.

	30/09/2010 VNĐ	01/01/2010 VNĐ
+ Các công trình tư vấn quản lý dự án	5.573.636.287	1.277.948.906
+ Chung cư Mỹ Phú	172.463.620.060	-
+ Chung cư Petroland	44.772.994.247	102.687.047.037
+ Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	350.284.871.315	286.638.625.381
	573.095.121.909	390.191.897.810
Công cụ, dụng cụ	50.432.802	-
	50.432.802	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2010

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/09/2010 VNĐ	01/01/2010 VNĐ
Thuế GTGT được khấu trừ	-	32.704.086.798
	-	32.704.086.798

Công ty đã làm hồ sơ hoàn thuế và nhận được tiền hoàn thuế theo QĐ của Cục thuế TPHCM với số tiền 32.519.546.448 đồng.

7. Tài sản ngắn hạn khác

	30/09/2010 VNĐ	01/01/2010 VNĐ
Tạm ứng	663.717.064	1.101.551.202
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn(*)	340.300.000	525.056.000
	1.004.017.064	1.626.607.202

(*) Trong đó:

- Ký quỹ HĐ 004-2007/PMH(\$20.000):	320.000.000đ
- Ký quỹ cho Cty. Điện lực Hiệp Phước:	10.000.000đ

8. Phải thu dài hạn khác

	30/09/2010 VNĐ	31/03/2010 VNĐ
Ký quỹ, ký cược dài hạn	852.189.538	852.189.538
	852.189.538	852.189.538

Trong đó:

- Ký quỹ làm thẻ VISA cho Ban Lãnh đạo:	150.000.000đ
- Ký quỹ tạm ứng cho PVC-MS:	647.189.538đ
- Ký quỹ khắc phục cơ sở hạ tầng tại Chung cư Petroland Q.2:	50.000.000đ

9. Tăng giảm TSCĐ hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư tại ngày 01/01/2010	3.045.469.782	-	4.034.159.711	778.869.576	7.858.499.069
- Mua trong năm	60.886.364	78.550.000	-	1.471.188.368	1.610.624.732
- Đầu tư XD/CB hoàn thành (tạm ghi nhận)	24.303.046.248				24.303.046.248
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư tại ngày 30/09/2010	27.409.402.394	78.550.000	4.034.159.711	2.250.057.944	33.772.170.049
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2010	418.814.956	-	966.533.893	378.896.423	1.764.245.272
- Khấu hao trong kỳ	795.302.862	12.810.123	504.291.084	326.864.784	1.639.268.853
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư tại ngày 30/09/2010	1.214.117.818	12.810.123	1.470.824.977	705.761.207	3.403.514.125
Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày 01/01/2010	2.626.654.827	-	3.067.625.817	399.973.153	6.094.253.797

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2010

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

- Tại ngày 30/09/2010	26.195.284.576	65.739.877	2.563.334.734	1.544.296.737	30.368.655.924
-----------------------	----------------	------------	---------------	---------------	----------------

10. Tăng giảm TSCĐ vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
<i>Số dư tại ngày 01/01/2010</i>	1.024.000.000	-	-	1.024.000.000
- Mua trong năm		30.528.000		30.528.000
- Tạo từ nội bộ doanh nghiệp				
- Tăng do hợp nhất kinh doanh				
- Tăng khác	72.850.097.639			72.850.097.639
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
<i>Số dư tại ngày 30/09/2010</i>	73.874.097.639	30.528.000	-	73.904.625.639
Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư tại ngày 01/01/2010</i>				
- Khấu hao trong kỳ				
- Tăng khác				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
<i>Số dư tại ngày 30/09/2010</i>		5.080.002		5.080.002
Giá trị còn lại TSCĐ vô hình				
- Tại ngày 01/01/2010	1.024.000.000	-	-	1.024.000.000
- Tại ngày 30/09/2010	73.874.097.639	25.447.998	-	73.899.545.637

11. Chi phí xây dựng cơ bản

	30/09/2010 VNĐ	01/01/2010 VNĐ
Dự án 16 Trương Định	-	141.823.220.535
Dự án BCC – Chung cư Huỳnh Tấn Phát	30.947.190.000	-
Dự án BCC – Chung cư Tương Bình Hiệp	18.000.000.000	-
Dự án đường vành đai 2	4.893.631.929	4.504.406.758
Khu đô thị mới Vũng Tàu	20.714.767.818	17.869.616.693
	<u>74.555.589.747</u>	<u>164.197.243.986</u>

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư thể hiện một phần diện tích đất và chi phí xây dựng toà nhà 16 Trương Định Quận 3, TPHCM thuộc sở hữu của công ty.

Nguyên giá được tạm ghi nhận dựa trên chi phí thực tế phát sinh và sẽ được điều chỉnh lại khi có quyết toán công trình.

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/09/2010 VNĐ	01/01/2010 VNĐ
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	136.510.041.656	40.480.000.000
Đầu tư dài hạn khác (**)	26.250.000.000	15.000.000.000
	<u>162.760.041.656</u>	<u>212.805.000.000</u>

(*) **Công ty liên kết:** Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (tên cũ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng), là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4200734936 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 2 tháng 2 năm 2008. Trụ sở đăng ký của Công ty liên kết tại số 4, đường An Dương Vương, phường Phước Tân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty liên kết là 300 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 137 tỷ tương đương với 45,67% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty liên kết.

Tuy nhiên theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT-PVIN ngày 28/7/2010 của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang thì Công ty Petroland sẽ được nhận chuyển nhượng 18,78% vốn điều lệ của Công ty liên kết từ Tổng Công ty CP Tài chính Việt Nam(PVFC) và 4,88% vốn điều lệ từ Công ty CP xây dựng Sông Hồng. Tiếp theo đó Công ty Petroland sẽ chuyển nhượng 9,5% vốn điều lệ của Công ty liên kết cho

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2010

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

Công ty CP chứng khoán Sài Gòn Hà Nội. Sau khi việc hoàn tất chuyển nhượng vốn điều lệ như trên thì Công ty liên kết sẽ trở thành công ty con.

(**) **Đầu tư dài hạn khác:**

- Phần ảnh hưởng đầu tư chứng khoán vào Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG), với số tiền đầu tư tương đương 11.54% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.

14. Vay và nợ ngắn hạn

	30/09/2010	01/01/2010
	VNĐ	VNĐ
NH. TMCP Bảo Việt	57.000.000.000	-
NH. BIDV	12.500.000.000	-
	69.500.000.000	-

15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	30/09/2010	01/01/2010
	VNĐ	VNĐ
Phải trả người bán	24.777.885.782	7.032.147.705
Người mua trả tiền trước	4.748.249.667	71.576.416.579
Phải trả người lao động (*)	2.249.383.609	1.826.316.978
	31.775.519.058	80.434.881.262

(*) Tiền lương tháng 9/2010 và tiền thưởng chưa thanh toán.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	-	1.047.737.620	-	1.047.737.620
Thuế TNDN	2.679.637.173	7.247.210.509	4.865.480.507	5.061.367.175
Thuế thu nhập cá nhân	227.043.745	1.459.737.438	1.421.702.497	265.078.686
Cộng	2.906.680.918	9.754.685.567	6.287.183.004	6.374.183.481

Thuế Giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ với mức thuế 10%;
Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên Công ty không áp dụng thuế suất 25% để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản.

Theo Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính, Công ty kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên doanh thu thu được tiền khách hàng theo tiến độ công trình và các khoản tiền này chưa phải tính vào doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ.

Các loại thuế khác: Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/09/2010	01/01/2010
	VNĐ	VNĐ
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	126.288.381	12.748.907
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	5.643.989.982	5.350.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác (**)	27.251.620.793	15.502.000.327
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	907.559.752	887.592.200
	33.929.458.908	21.752.341.434

(*) Trong đó:

- Đặt cọc của khách hàng mua – Chung cư Petroland Quận 2:	4.993.989.982
- Đặt cọc của khách hàng mua – TTTMTCDK Phú Mỹ Hưng:	600.000.000đ
- Đặt cọc bảo lãnh dự thầu :	50.000.000đ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2010

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

(**) Trong đó:

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam:	10.850.000.327đ
- Cty. CP Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	15.321.600.000đ

18. Vay dài hạn

	30/09/2010	01/01/2010
	VNĐ	VNĐ
NH. TMCP Bảo Việt	10.457.810.400	-
NH. Vietinbank	232.056.367.231	-
	242.514.177.631	-

Trong kỳ, Công ty đã nhận giải ngân hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Công Thương chi nhánh Hồ Chí Minh, hạn mức vay là 462 tỷ đồng, thời hạn vay 5 năm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

Công ty cũng ký Hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Bảo Việt – CN. TPHCM, hạn mức vay 100 tỷ đồng, thời hạn vay 18 tháng tài trợ vốn cho dự án xây dựng khu chung cư Petroland tại phường Bình Trưng Đông, quận 2, TPHCM. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/09/2010	01/01/2010
	VNĐ	VNĐ
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	18.511.703.509	-
	18.511.703.509	-

20. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Các quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	937.620.000.000	-	28.782.948.052	966.402.948.052
- Tăng vốn trong kỳ trước				
- Lãi trong kỳ trước		2.878.294.806	24.087.406.704	26.965.701.510
- Tăng khác				
- Giảm vốn trong kỳ trước			(7.195.737.014)	(7.195.737.014)
- Lỗ trong kỳ trước				
- Giảm khác				
Số dư cuối kỳ trước	937.620.000.000	2.878.294.806	45.674.617.742	986.172.912.548
Số dư đầu kỳ này				
- Tăng vốn trong kỳ trước				
- Lãi trong kỳ trước				
- Tăng khác	62.380.000.000	1.276.358.368	71.224.265.778	134.880.624.146
- Giảm vốn trong kỳ trước				
- Lỗ trong kỳ trước			(3.190.895.920)	(3.190.895.920)
- Giảm khác				
Số dư cuối kỳ này	1.000.000.000.000	4.154.653.174	113.707.987.600	1.117.862.640.774

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận:

	30/09/2010	01/01/2010
	VNĐ	VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	937.620.000.000	937.620.000.000
+ Vốn góp đầu kỳ	937.620.000.000	937.620.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	62.380.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2010
 Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

+ Vốn góp cuối kỳ	1.000.000.000.000	937.620.000.000
- Lợi nhuận chưa phân phối	-	-
	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>937.620.000.000</u>

c. Cổ phiếu

30/09/2010	01/01/2010
<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 100 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
---	-------------------	-------------------

Cổ phần đã phát hành và thu tiền 100.000.000 cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần)	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>937.620.000.000</u>
---	--------------------------	------------------------

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008269 ngày 29 tháng 10 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng được chia thành 100.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phần có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản của Công ty.

21. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Vốn điều lệ <u>VNĐ</u>	Vốn phân bổ cho Công ty mẹ <u>VNĐ</u>	Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số <u>VNĐ</u>	Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số
Công ty CP Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	<u>174.488.000.000</u>	<u>157.325.000.000</u>	<u>17.163.000.000</u>	9.84%
Công ty CP Đầu tư Dầu khí Thăng Long	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>	-	0%

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày 30 tháng 9 năm 2010:

Chi tiết như sau	
Vốn điều lệ	174.488.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>22.688.666</u>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	
Vốn điều lệ	17.163.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>2.231.704</u>
	<u>17.165.231.704</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

22. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 3/2010 <u>VNĐ</u>	Quý 3/2009 <u>VNĐ</u>
Doanh thu hoạt động kinh doanh BĐS	245.095.059.554	-
- Dự án TTTM Tài chính Phú Mỹ Hưng	124.662.104.014	-
- Dự án Chung cư Petroland Quận 2	120.432.955.540	-
Doanh thu thuê hoạt động	620.257.376	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	554.236.500	135.454.545
Tổng doanh thu	<u>246.269.553.430</u>	<u>135.454.545</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2010
 Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

23. Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý 3/2010 VNĐ	Quý 3/2009 VNĐ
Hoạt động kinh doanh BĐS	-	-
- Dự án Chung cư Petroland Quận 2	1.620.046.982	-
Cộng	1.620.046.982	-
24. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 3/2010 VNĐ	Quý 3/2009 VNĐ
Doanh thu hoạt động kinh doanh BĐS	243.475.012.572	-
- Dự án TTTM Tài chính Phú Mỹ Hưng	124.662.104.014	-
- Dự án Chung cư Petroland Quận 2	118.812.908.558	-
Doanh thu thuê hoạt động	620.257.376	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	554.236.500	135.454.545
Doanh thu thuần	244.649.506.448	135.454.545
25. Giá vốn hàng bán	Quý 3/2010 VNĐ	Quý 3/2009 VNĐ
Giá vốn hoạt động kinh doanh BĐS	179.565.420.569	-
- Dự án TTTM Tài chính Phú Mỹ Hưng	87.067.487.167	-
- Dự án Chung cư Petroland Quận 2	92.497.933.402	-
Giá vốn thuê hoạt động	569.076.943	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	159.452.180	96.996.957
Cộng	180.293.949.692	96.996.957
26. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 3/2010 VNĐ	Quý 3/2009 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.421.675.116	6.832.335.519
	7.421.675.116	6.832.335.519
27. Chi phí tài chính	Quý 3/2010 VNĐ	Quý 3/2009 VNĐ
Lãi tiền vay	1.167.777.777	-
	1.167.777.777	-
28. Chi phí bán hàng	Quý 3/2010 VNĐ	Quý 3/2009 VNĐ
Chi phí nhân viên	358.062.350	-
Chi phí vật liệu, bao bì	17.420.000	8.904.900
Chi phí dụng cụ	20.159.273	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.951.871	83.643.364
Chi phí bằng tiền khác	342.828.935	84.241.722
Cộng	807.422.429	176.789.986
29. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 3/2010 VNĐ	Quý 3/2009 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	2.499.586.621	2.952.530.717
Chi phí đồ dùng văn phòng	75.639.865	190.556.929
Chi phí khấu hao TSCĐ	535.943.232	351.716.984
Thuế phí và lệ phí	30.256.289	18.690.700

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2010

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.232.078.739	1.055.317.787
Chi phí bằng tiền khác	1.027.655.976	135.477.656
Chi phí tìm kiếm cơ hội đầu tư	-	196.850.682
	5.401.160.722	4.901.141.455

30. Lãi trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2010 đến 30/9/2010 VNĐ	Từ 01/01/2009 đến 30/9/2009 VNĐ
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	71.226.265.779	8.755.711.019
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	97.943.516	93.762.000
Lãi trên cổ phiếu cơ bản	727	93

31. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	30/09/2010 VNĐ	01/01/2010 VNĐ
Ủy thác đầu tư và ủy thác quản lý vốn		
- Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	10.000.000.000	50.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	-	20.000.000.000
Các khoản phải thu		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	700.000	2.646.700.000
Các khoản phải thu khác		
- Công ty CP Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	1.559.000.000	1.559.000.000
- Công ty CP Đầu tư Dầu khí Thăng Long	20.000.000	-

Người lập biểu



Phạm Thuý Nga

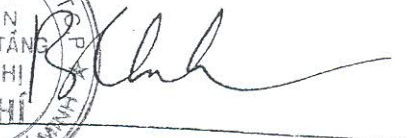
Kế toán trưởng



Vũ Thị Kim Ngân

Ngày 02 tháng 11 năm 2010

Tổng Giám đốc

Bùi Minh Chính

